

MÃ THÀNH TÀI

1500 CÂU GIAO TIẾP HOA - VIỆT

1500 句交际 华 - 越

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRUNG TÂM THÔNG TIN THƯ VIỆN

W-D4/6854

NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ

Mục lục

LỜI NÓI ĐẦU	5
Chủ đề: MUA SẮM	5
Bài 1: 購物 - Mua sắm	5
Bài 2: 买卖, 交易 - Mua bán, trao đổi	12
Bài 3: 在書報攤、文具店 - Tại tiệm sách báo, văn phòng phẩm	29
Bài 4: 圖畫, 美術陳列館 - Tại phòng tranh, đồ mỹ nghệ	34
Bài 5: 在布店、雜貨店 - Tại tiệm vải, hàng xén	39
Bài 6: 鞋店 - Tại tiệm giày	44
Bài 7: 食品、花果店 - Tại tiệm thực phẩm, rau quả	48
Bài 8: 電視店 - Tại tiệm t.v.	53
Bài 9: 在玩具店 - Ở cửa hàng đồ chơi	58
Bài 10: 在卖留念品商店 - Cửa hàng bán đồ lưu niệm	69
Bài 11: 在钟 店 - Ở cửa hàng đồng hồ	78
Bài 12: 在金银珠宝商 - Ở cửa hàng vàng bạc, đá quý	91
Bài 13: 在帽子店 - Ở cửa hàng nón	103
Bài 14: 在古董店 - Ở cửa hàng đồ cổ	112
Bài 15: 在乐器商店 - Ở cửa hàng nhạc cụ	122
Bài 16: 在装饰内室商店 - Ở cửa hàng trang trí nội thất	131
Bài 17: 在金属用品商店 - Ở cửa hàng đồ dùng bằng kim loại	143
Bài 18: 在百货商店 - Ở cửa hàng bách hóa	153
Bài 19: 在皮造用品的商店 - Ở cửa hàng bán đồ dùng bằng da	164
Bài 20: 在香水商店 - Ở cửa hàng nước hoa	179
Bài 21: 在卖肉铺 - Ở cửa hàng thịt	188
Bài 22: 在卖面包, 饼餌的铺子 - Ở cửa hàng bán bánh mì, bánh ngọt	195
Bài 23: 在水果店 - Ở cửa hàng trái cây	200

Bài 24: 在蔬菜商店 - Ở cửa hàng rau xanh.....	206
Chủ đề: THÔNG TIN LIÊN LẠC.....	212
Bài 1: 在郵局 - Tại bưu điện.....	212
Bài 2: 在銀行 - Tại ngân hàng.....	218
Chủ đề: GIAO THÔNG VẬN TẢI.....	229
Bài 1: 交通和运输 - Giao thông và vận tải.....	229
Bài 2: 在火車站 - Tại nhà ga.....	245
Bài 3: 买火车票 - Mua vé xe lửa.....	252
Bài 4: 去火车行李 - Hành lý đi xe lửa.....	258
Bài 5: 在火车上 - Trên xe lửa.....	261
Bài 6: 坐飞机 - Đi máy bay.....	268
Bài 7: 承轮船 - Đi tàu thủy.....	273
Bài 8: 坐的士, 坐汽车 - Đi xe taxi, xe du lịch.....	285
Chủ đề: ĂN UỐNG.....	291
Bài 1: 特殊的食品 - Những món ăn độc đáo.....	291
Bài 2: 可口的饮料 - Những thức uống tuyệt vời.....	304
Bài 3: 在茶馆、咖啡厅 - Tại phòng trà, quán cà phê.....	313
Bài 4: 在舞場里 - Tại vũ trường.....	317
Bài 5: 在酒店、客棧 - Tại khách sạn, nhà trọ.....	325
Chủ đề: GIẢI TRÍ.....	343
Bài 1: 娱乐游戏 - Các trò chơi giải trí.....	343
Bài 2: 在动物园 - Trong sở thú.....	348
Bài 3: 看電影 - Xem phim.....	357
Bài 4: 看戲劇 - Xem kịch.....	362
Bài 5: 去聽音樂會 - Nghe hòa nhạc.....	372
Chủ đề: SỨC KHỎE.....	377
Bài 1: 健康和疾病 - Sức khỏe và bệnh tật.....	377
Bài 2: 牙醫室 - Tại phòng răng.....	388
Bài 3: 在眼科室、眼鏡店 - Tại phòng mắt, tiệm kính.....	396
Bài 4: 在藥房 - Tại tiệm thuốc.....	400